BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19 /2025/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2025*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy; tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ; cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm hoặc đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm; cán bộ đang tham gia cấp ủy ở các đảng bộ phải kết thúc hoạt động theo quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11 và Điều 14 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; các khoản 5, 6, 7, 8, 9, 10 và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ

về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng.

2. Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức danh lãnh đạo, quản lý.

3. Công chức, viên chức không giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý.

4. Người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ.

5. Lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

6. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Các trường hợp chưa xem xét giải quyết chính sách, chế độ hướng dẫn tại Thông tư này

1. Đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này là nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; trừ trường hợp đủ điều kiện, cá nhân tự nguyện phục viên, nghỉ thôi việc hoặc nghỉ hưu trước tuổi.

2. Đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

Điều 4. Cách xác định thời điểm quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy; tính hưởng chính sách, chế độ trong thời hạn 12 tháng đầu tiên và từ tháng thứ 13 trở đi; tiền lương tháng để tính hưởng chính sách, chế độ

1. Thời điểm quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy đối với các cơ quan, đơn vị là thời điểm quyết định về sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành.

2. Xác định tính hưởng chính sách, chế độ trong thời hạn 12 tháng đầu tiên và từ tháng thứ 13 trở đi

a) Đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy

Đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này nghỉ hưu trước tuổi (kể cả các trường hợp không nghỉ chuẩn bị hưu, nghỉ chuẩn bị hưu không hết thời gian theo quy định hiện hành của Bộ Quốc phòng) hoặc phục viên hoặc thôi việc mà thời gian bắt đầu hưởng lương hưu hằng tháng hoặc phục viên hoặc thôi việc ghi trong quyết định của cấp có thẩm quyền trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy hướng dẫn tại khoản 1 Điều này có hiệu lực thi hành thì được tính hưởng chính sách, chế độ trong thời hạn 12 tháng đầu tiên. Trường hợp thời gian bắt đầu hưởng lương hưu hằng tháng

hoặc phục viên hoặc thôi việc sau thời hạn 12 tháng nêu trên thì tính hưởng chính sách, chế độ từ tháng thứ 13 trở đi.

b) Đối với đối tượng không chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng phải thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ

Từ ngày 15 tháng 3 năm 2025 trở đi, đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này nghỉ hưu trước tuổi (kể cả các trường hợp không nghỉ chuẩn bị hưu, nghỉ chuẩn bị hưu không hết thời gian theo quy định hiện hành của Bộ Quốc phòng) mà thời gian bắt đầu hưởng lương hưu hằng tháng ghi trong quyết định của cấp có thẩm quyền trong thời hạn từ ngày 15 tháng 3 năm 2025 đến ngày 14 tháng 3 năm 2026 thì được tính hưởng chính sách, chế độ trong thời hạn 12 tháng đầu tiên. Trường hợp thời gian bắt đầu hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 15 tháng 3 năm 2026 trở đi thì tính hưởng chính sách, chế độ từ tháng thứ 13 trở đi.

3. Tiền lương tháng hiện hưởng để tính hưởng chính sách, chế độ khi nghỉ hưu trước tuổi hoặc phục viên hoặc thôi việc gồm: Tiền lương theo cấp bậc quân hàm, loại, nhóm, ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp hoặc mức lương theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động; các khoản phụ cấp lương (nếu có); gồm: Phụ cấp chức vụ lãnh đạo; phụ cấp công vụ; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp ưu đãi theo nghề; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ cấp đặc thù đối với lực lượng vũ trang; phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội và hệ số chênh lệch bảo lưu lương theo quy định của pháp luật về tiền lương tại thời điểm tháng liền kề trước tháng nghỉ việc hưởng lương hưu hằng tháng hoặc phục viên hoặc thôi việc.

Điều 5. Cách xác định thời gian và hạn tuổi để tính hưởng chính sách, chế độ

1. Số tháng nghỉ hưu trước tuổi để tính hưởng trợ cấp hưu trí một lần cho thời gian nghỉ sớm là số tháng tính từ tháng hưởng lương hưu hằng tháng theo quyết định của cấp có thẩm quyền so với hạn tuổi hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều này; tối đa không quá 60 tháng.

2. Số năm nghỉ hưu trước tuổi để tính hưởng trợ cấp cho số năm nghỉ sớm là số năm được tính từ tháng hưởng lương hưu hằng tháng theo quyết định của cấp có thẩm quyền so với hạn tuổi hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều này; nếu có số tháng lẻ thì được làm tròn theo nguyên tắc: từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

3. Thời gian để tính hưởng trợ cấp phục viên, trợ cấp thôi việc hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 10, điểm a khoản 1 Điều 11 và điểm a khoản 1 Điều 12 Thông tư này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; tối đa không quá 60 tháng.

4. Thời gian để tính hưởng trợ cấp theo số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hướng dẫn tại điểm b, điểm c khoản 1, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 10, điểm b khoản 1 Điều 11, điểm b khoản

1 Điều 12 Thông tư này thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

5. Cách xác định hạn tuổi phục vụ cao nhất hoặc tuổi nghỉ hưu đối với các đối tượng để tính hưởng chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi

a) Hạn tuổi phục vụ cao nhất

Đối với sĩ quan thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 52/2024/QH15.

Đối với quân nhân chuyên nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng số 98/2015/QH13.

Đối với công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật số 98/2015/QH13.

b) Tuổi nghỉ hưu

Đối với công chức quốc phòng; lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước; công chức; viên chức thực hiện theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15; Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu.

Đối với người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Cơ yếu số 05/2011/QH13; Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP.

c) Cấp bậc quân hàm để xác định hạn tuổi cao nhất đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp

Cấp bậc quân hàm để xác định hạn tuổi cao nhất là cấp bậc quân hàm của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp ghi trong quyết định nghỉ hưu (nghỉ chuẩn bị hưu) của cấp có thẩm quyền.

d) Cách xác định tuổi của các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi

Tuổi để xác định các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi so với hạn tuổi phục vụ cao nhất hoặc tuổi nghỉ hưu theo hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản này được tính từ tháng sinh đến tháng liền kề trước khi hưởng lương hưu hằng tháng.

Điều 6. Cách tính hưởng chính sách đối với trường hợp công tác tại các cơ quan, đơn vị chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy

Đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 2 Thông tư này đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi do sắp xếp tổ chức bộ máy được hưởng chính sách, chế độ quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP; trong đó, chế độ trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm, trợ cấp cho số năm

nghỉ sớm và trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện như sau:

1. Đối với trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến hạn tuổi theo hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 5 Thông tư này

a) Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm thực hiện như sau:

Nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực

Mức trợ cấp hưu trí một lần = Tiền lương tháng hiện hưởng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này x 1,0 x Số tháng nghỉ sớm hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này

Nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực

Mức trợ cấp hưu trí một lần = Tiền lương tháng hiện hưởng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này x 0,5 x Số tháng nghỉ sớm hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này

b) Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm thực hiện như sau:

Mức trợ cấp cho số năm nghỉ sớm = Tiền lương tháng hiện hưởng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này x 05 x Số năm nghỉ sớm hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này

c) Chính sách và trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện như sau:

Được hưởng lương hưu theo tỷ lệ % tương ứng với thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ % hưởng lương hưu do việc nghỉ hưu trước so với tuổi quy định.

Ví dụ 01: Đồng chí Trung tá Nguyễn Văn A, khi được cấp có thẩm quyền giải quyết nghỉ hưu trước tuổi, đồng chí A có 32 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội. Theo quy định của pháp luật về bảo biểm xã hội thì tỷ lệ % hưởng lương hưu hằng tháng của đồng chí A được tính như sau: 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội tương ứng với tỷ lệ hưởng lương hưu hằng tháng bằng 45%; 12 năm tiếp theo mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội, được tính thêm 2% (2% x 12 năm) bằng 24%. Như vậy, tỷ lệ % hưởng lương hưu hằng tháng của đồng chí A với 32 năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội là: 45% + 24% = 69%.

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

Mức trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	=	Tiền lương tháng hiện hưởng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này	x	05 (đối với 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc)	+	0,5 x	Số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ năm thứ 21 trở đi

Trường hợp đủ 15 năm công tác trở lên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và thuộc đối tượng được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi thì được trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 15 năm đầu công tác; từ năm thứ 16 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

Mức trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	=	Tiền lương tháng hiện hưởng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này	x	04 (đối với 15 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc)	+	0,5 x	Số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ năm thứ 16 trở đi

Ví dụ 02: Đồng chí Trần Văn Long, sinh tháng 5/1971, nhập ngũ tháng 02/1990, cấp bậc Đại tá, chức vụ Trợ lý công tác tại Cục A, Cơ quan Bộ Tổng Tham mưu. Theo quy định hiện hành, đến hết tháng 5/2029 đồng chí Long đủ 58 tuổi, hết hạn tuổi cao nhất theo cấp bậc quân hàm Đại tá. Tháng 3/2025 đơn vị đồng chí Long sáp nhập với đơn vị khác; đồng chí Long được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi (không nghỉ chuẩn bị hưu) hưởng lương hưu từ ngày 01/6/2025 (đủ 54 tuổi). Đồng chí Long thuộc trường hợp nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực; thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi là 04 năm (48 tháng) và có 35 năm 04 tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (được làm tròn 35,5 năm theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này). Giả sử tiền lương hiện hưởng trước thời điểm nghỉ hưu (tháng 5/2025) của đồng chí Long là 30.000.000 đồng; đồng chí Long được hưởng chính sách, chế độ quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại khoản này; trong đó, chế độ trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm; trợ cấp cho số năm nghỉ sớm và trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được tính như sau:

Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm là: 30.000.000 đồng x 1,0 tháng x 48 tháng nghỉ hưu trước tuổi = 1.440.000.000 đồng.

Trợ cấp một lần đối với số năm nghỉ sớm là: 30.000.000 đồng x 05 tháng x 04 năm nghỉ hưu trước tuổi = 600.000.000 đồng.

Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là: 30.000.000 đồng x {05 tháng + (0,5 x 15,5 năm)} = 382.500.000 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp của đồng chí Long được hưởng là: 2.422.500.000 đồng.

Ví dụ 03: Cùng là đồng chí Trần Văn Long như nêu tại ví dụ 02; tuy nhiên, cấp có thẩm quyền quyết định đồng chí Long nghỉ hưu trước hạn tuổi, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/6/2025 đến ngày 31/5/2026, hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/6/2026. Trường hợp, đồng chí Long nghỉ chuẩn bị hưu hết thời gian nêu trên sẽ được hưởng chính sách, chế độ của đối tượng nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực. Đồng chí Long có nguyện vọng nghỉ chuẩn bị hưu không hết thời gian và nghỉ hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/01/2026, được cấp có thẩm quyền đồng ý theo nguyện vọng; theo đó, đồng chí Long đủ điều kiện hưởng chính sách, chế độ của đối tượng nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực (số tháng nghỉ sớm là 41 tháng; số năm nghỉ sớm là 03 năm 05 tháng; thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là 35 năm 11 tháng, được làm tròn 36 năm theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này).

Ví dụ 04: Cùng là đồng chí Trần Văn Long như nêu tại ví dụ 02; đồng chí Long được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước tuổi, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/6/2025 đến ngày 31/5/2026, hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/6/2026 (đủ 55 tuổi), thuộc trường hợp nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực; thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi là 03 năm (36 tháng). Đồng chí Long được hưởng chính sách, chế độ quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP; trong đó, chế độ trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm; trợ cấp cho số năm nghỉ sớm và trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn tại khoản này (thuộc trường hợp nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực).

Ví dụ 05: Cùng là đồng chí Trần Văn Long như nêu tại ví dụ 02; giả sử tháng 3/2027, đơn vị đồng chí Long sáp nhập với đơn vị khác; đồng chí Long được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/6/2027 đến ngày 31/5/2028, hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/6/2028 (đủ 57 tuổi); theo đó, đồng chí Long thuộc trường hợp được hưởng trợ cấp hưu trí một lần đối với đối tượng có tuổi đời còn dưới 02 năm đến hạn tuổi cao nhất theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều này và thuộc đối tượng nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực.

Tuy nhiên, đồng chí Long có nguyện vọng nghỉ hưu ngay (không nghỉ chuẩn bị hưu), hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/6/2027 (đủ 56 tuổi), được cấp có thẩm quyền đồng ý theo nguyện vọng; theo đó, đồng chí Long đủ điều kiện hưởng 03 khoản trợ cấp một lần theo hướng dẫn tại khoản này đối với đối tượng có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến hạn tuổi cao nhất và thuộc trường hợp nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực.

2. Đối với trường hợp có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến hạn tuổi hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 5 Thông tư này

a) Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm thực hiện như sau:

Nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực

Mức trợ cấp hưu trí một lần = Tiền lương tháng hiện hưởng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này x 0,9 x 60 tháng

Nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực

Mức trợ cấp hưu trí một lần = Tiền lương tháng hiện hưởng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này x 0,45 x 60 tháng

b) Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm thực hiện như sau:

Mức trợ cấp cho số năm nghỉ sớm = Tiền lương tháng hiện hưởng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này x 04 x Số năm nghỉ sớm hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này

c) Trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều này.

Ví dụ 06: Đồng chí Hoàng Văn Mạnh, sinh tháng 7/1978, nhập ngũ tháng 9/1997, cấp bậc Trung tá QNCN, Nhân viên công tác tại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh B. Theo quy định hiện hành, đến tháng 7/2032 đồng chí Mạnh đủ 54 tuổi, hết hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất theo cấp bậc quân hàm Trung tá QNCN. Tháng 4/2025 đơn vị đồng chí Mạnh sáp nhập với đơn vị khác; đồng chí Mạnh được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi (không nghỉ chuẩn bị hưu) hưởng lương hưu từ ngày 01/8/2025 (đủ 47 tuổi và nghỉ hưu sau ngày Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực thi hành). Đồng chí Mạnh thuộc trường hợp nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực; thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi là 07 năm (84 tháng) và có 27 năm 11 tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (được làm tròn 28 năm theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này). Giả sử tiền lương hiện hưởng trước thời điểm nghỉ hưu (tháng 7/2025) của đồng chí Mạnh là 20.000.000 đồng; đồng chí Mạnh được hưởng chính sách, chế độ quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại khoản này; trong đó, chế độ trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm; trợ cấp cho số năm nghỉ sớm và trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được tính như sau:

Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm là: 20.000.000 đồng x 0,9 tháng x 60 tháng = 1.080.000.000 đồng.

Trợ cấp một lần đối với số năm nghỉ sớm là: 20.000.000 đồng x 04 tháng x 07 năm nghỉ hưu trước tuổi = 560.000.000 đồng.

Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là: 20.000.000 đồng x {04 tháng (đối với 15 năm đầu đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc) + (0,5 x 13 năm)} = 210.000.000 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp của đồng chí Mạnh được hưởng là: 1.850.000.000 đồng.

Ví dụ 07: Cùng là đồng chí Hoàng Văn Mạnh như nêu tại ví dụ 06; tuy nhiên, cấp có thẩm quyết định đồng chí Mạnh nghỉ hưu trước hạn tuổi, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/8/2025 đến ngày 31/7/2026, hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/8/2026. Trường hợp, đồng chí Mạnh nghỉ chuẩn bị hưu hết thời gian nêu trên sẽ được hưởng chính sách, chế độ của đối tượng nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực.

Đồng chí Mạnh có nguyện vọng nghỉ chuẩn bị hưu không hết thời gian và nghỉ hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/02/2026, được cấp có thẩm quyền đồng ý theo nguyện vọng; theo đó, đồng chí Mạnh đủ điều kiện hưởng chính sách, chế độ đối với đối tượng nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực.

3. Trường hợp có tuổi đời còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu theo hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 5 Thông tư này thì được hưởng trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm; cách tính hưởng trợ cấp hưu trí một lần thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều này.

Ví dụ 08: Đồng chí Lê Minh Quân, sinh tháng 4/1971, nhập ngũ tháng 02/1991, cấp bậc Thượng tá, chức vụ Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự huyện C. Theo quy định hiện hành, đến hết tháng 4/2027 đồng chí Quân đủ 56 tuổi, hết hạn tuổi phục vụ cao nhất theo cấp bậc quân hàm Thượng tá. Tháng 3/2025 đơn vị đồng chí Quân sáp nhập với đơn vị khác; đồng chí Quân được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước hạn tuổi, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/5/2025 đến ngày 30/4/2026, hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/5/2026 (đủ 55 tuổi). Đồng chí Quân thuộc trường hợp nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực; thời gian nghỉ trước hạn tuổi là 01 năm (12 tháng) và có 35 năm 03 tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (được làm tròn 35,5 năm theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này). Giả sử tiền lương hiện hưởng trước thời điểm nghỉ hưu (tháng 4/2026) của đồng chí Quân là 26.000.000 đồng; đồng chí Quân được hưởng chính sách, chế độ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; trong đó, trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm được tính như sau:

Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm là: 26.000.000 đồng x 0,5 tháng x 12 tháng nghỉ hưu trước tuổi = 156.000.000 đồng.

Ví dụ 09: Cùng là đồng chí Lê Minh Quân như nêu tại ví dụ 08; giả sử tháng 3/2026, đơn vị đồng chí Quân sáp nhập với đơn vị khác; đồng chí Quân được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12

tháng, kể từ ngày 01/5/2026 đến ngày 30/4/2027, hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/5/2027 (đủ 56 tuổi); đồng chí Quân không thuộc đối tượng áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Tuy nhiên, đồng chí Quân có nguyện vọng nghỉ hưu ngay (không nghỉ chuẩn bị hưu) hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/5/2026 (đủ 55 tuổi), được cấp có thẩm quyền đồng ý theo nguyện vọng; theo đó, đồng chí Quân đủ điều kiện hưởng chính sách, chế độ đối với đối tượng theo hướng dẫn tại khoản này và thuộc trường hợp nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực.

4. Đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này được nghỉ hưu trước tuổi theo hướng dẫn tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này thuộc trường hợp khen thưởng quá trình cống hiến theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng mà còn thiếu thời gian công tác giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy quản lý tại thời điểm nghỉ hưu để được khen thưởng quá trình cống hiến thì được tính thời gian nghỉ hưu sớm tương ứng với thời gian còn lại của nhiệm kỳ bầu cử hoặc thời gian bổ nhiệm của chức vụ hiện đảm nhiệm để xét khen thưởng quá trình cống hiến theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP; trường hợp không thuộc đối tượng xét khen thưởng quá trình cống hiến thì được cấp có thẩm quyền xem xét các hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích đạt được.

5. Các trường hợp hướng dẫn tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này đã được hưởng trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP thì không hưởng chế độ trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước tuổi quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về chế độ, chính sách đối với sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ; sĩ quan tại ngũ hy sinh, từ trần; sĩ quan tại ngũ chuyển sang quân nhân chuyên nghiệp hoặc công chức quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 52/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ; Nghị định số 151/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều về chế độ, chính sách của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu.

Điều 7. Cách tính hưởng chính sách đối với trường hợp công tác tại các cơ quan, đơn vị không chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhưng phải thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ

Đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 2 Thông tư này công tác tại các cơ quan, đơn vị không chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp

tổ chức bộ máy (không sáp nhập, giải thể, không thay đổi tổ chức...), còn đủ 05 năm trở xuống hết hạn tuổi phục vụ cao nhất hoặc đến tuổi nghỉ hưu theo hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 5 Thông tư này, được cấp có thẩm quyền giải quyết nghỉ hưu trước tuổi do phải thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ thì được hưởng chính sách, chế độ quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP. Trong đó:

1. Chế độ trợ cấp cho số năm nghỉ sớm và chế độ trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến hạn tuổi theo hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 5 Thông tư này thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

2. Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm thực hiện như sau:

Nghỉ hưu và hưởng lương hưu hằng tháng trong thời hạn từ ngày 15 tháng 3 năm 2025 đến ngày 14 tháng 3 năm 2026 (tính hưởng chính sách, chế độ trong thời hạn 12 tháng đầu tiên)

Mức trợ cấp hưu trí một lần	=	Tiền lương tháng hiện hưởng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này	x 1,0 x	Số tháng nghỉ sớm hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này

Nghỉ hưu và hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 15 tháng 3 năm 2026 trở đi (tính hưởng chính sách, chế độ từ tháng thứ 13 trở đi)

Mức trợ cấp hưu trí một lần	=	Tiền lương tháng hiện hưởng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này	x 0,5 x	Số tháng nghỉ sớm hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này

Ví dụ 10: Cùng là đồng chí Trần Văn Long như nêu tại ví dụ 02; giả sử cơ quan đồng chí Long không thuộc diện sáp nhập, giải thể, nhưng phải thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ; tháng 5/2025 được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước tuổi, thời gian nghỉ chuẩn bị hưu 12 tháng, kể từ ngày 01/6/2025 đến ngày 31/5/2026, hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/6/2026.

Trường hợp, đồng chí Long nghỉ chuẩn bị hưu hết thời gian nêu trên sẽ được hưởng chính sách, chế độ của đối tượng nghỉ hưu từ tháng thứ 13 trở đi (kể từ ngày 15/3/2025).

Đồng chí Long có nguyện vọng nghỉ chuẩn bị hưu không hết thời gian và nghỉ hưởng lương hưu hằng tháng từ ngày 01/01/2026, được cấp có thẩm quyền giải quyết nghỉ hưu trước tuổi; theo đó, đồng chí Long đủ điều kiện hưởng chính sách, chế độ của đối tượng nghỉ hưu trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày 15/3/2025 (số tháng nghỉ sớm là 41 tháng; số năm nghỉ sớm là 03 năm 05 tháng; thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là 35 năm 11 tháng, được làm tròn 36 năm theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này).

Điều 8. Điều kiện và cách tính hưởng chính sách đối với các trường hợp không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm; đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm hoặc đang tham gia cấp ủy ở các đảng bộ phải kết thúc hoạt động, nhưng có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi

1. Điều kiện hưởng chính sách, chế độ

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng, người làm công tác cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hưởng lương như đối với quân nhân quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 2 Thông tư này giữ chức vụ, chức danh thuộc cơ cấu tham gia cấp ủy, ủy viên chuyên trách Ủy ban kiểm tra cùng cấp nhưng không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm cấp ủy nhiệm kỳ mới; đồng thời, thời gian công tác tính từ ngày tổ chức đại hội đến hết hạn tuổi cao nhất hoặc đủ tuổi nghỉ hưu theo hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 5 Thông tư này còn trên 06 tháng trở lên.

b) Đối tượng tại điểm a khoản này đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm cấp ủy nhiệm kỳ mới có thời gian công tác tính từ ngày bắt đầu tổ chức đại hội còn từ đủ 30 tháng đến 60 tháng; trường hợp đặc biệt còn từ đủ 12 tháng đến dưới 30 tháng thì hết hạn tuổi phục vụ cao nhất hoặc đến tuổi nghỉ hưu theo hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 5 Thông tư này nhưng vì sắp xếp nhân sự cấp ủy, bản thân có nguyện vọng nghỉ hưu và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

c) Đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 4 và khoản 5 Điều 2 Thông tư này đang tham gia cấp ủy ở các đảng bộ (nhiệm kỳ 05 năm) phải kết thúc hoạt động, kiện toàn tổ chức bộ máy còn 05 năm (60 tháng) trở xuống thì hết hạn tuổi phục vụ cao nhất hoặc đến tuổi nghỉ hưu theo hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 5 Thông tư này, có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, để tạo điều kiện sắp xếp nhân sự cấp ủy trong kỳ đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

2. Cách tính hưởng

Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi được hưởng các chế độ quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP. Trong đó:

a) Chế độ trợ cấp cho số năm nghỉ sớm và chế độ trợ cấp theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến hạn tuổi theo hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 5 Thông tư này thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

b) Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm thực hiện như sau:

$$\text{Mức trợ cấp hưu trí một lần} = \text{Tiền lương tháng hiện hưởng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này} \times 1{,}0 \times \text{Số tháng nghỉ sớm hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này}$$

Điều 9. Chính sách đối với trường hợp được kéo dài thời gian công tác

Chính sách đối với các trường hợp đã quá hạn tuổi theo hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 5 Thông tư này nhưng được Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định kéo dài thời gian công tác thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

Điều 10. Cách tính hưởng chính sách phục viên đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp công tác tại các cơ quan, đơn vị chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy

1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này có tuổi đời từ đủ 02 năm trở lên so với hạn tuổi phục vụ cao nhất theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 5 Thông tư này, chưa đủ điều kiện nghỉ hưu và không đủ điều kiện hưởng chế độ nghỉ hưu trước tuổi quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, khi được cấp có thẩm quyền quyết định phục viên thì được hưởng chính sách, chế độ quy định tại Điều 9 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; trong đó, chế độ trợ cấp phục viên một lần cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, chế độ trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và trợ cấp tìm việc làm thực hiện như sau:

a) Trợ cấp phục viên một lần cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc

Phục viên trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực

Mức trợ cấp phục viên cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc = Tiền lương tháng hiện hưởng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này x 0,8 x Số tháng để tính hướng trợ cấp phục viên hướng dẫn tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này

Phục viên từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực

Mức trợ cấp phục viên cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc = Tiền lương tháng hiện hưởng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này x 0,4 x Số tháng để tính hướng trợ cấp phục viên hướng dẫn tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này

b) Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc

Mức trợ cấp cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc = Tiền lương tháng hiện hưởng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này x 1,5 x Số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này

c) Trợ cấp tìm việc làm

Tiền trợ cấp tìm việc làm = 03 tháng x Tiền lương tháng hiện hưởng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này

Ví dụ 11: Đồng chí Lê Trung Dũng, sinh tháng 9/1994, nhập ngũ tháng 9/2014, cấp bậc Thượng uý, chức vụ Trung đội trưởng. Tháng 6/2025, đơn vị đồng chí Dũng sáp nhập với đơn vị khác. Theo quy định hiện hành, đồng chí Dũng chưa đủ điều kiện nghỉ hưu và không đủ điều kiện hưởng chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn Điều 6 Thông tư này. Tháng 11/2025, đồng chí Dũng được cấp có thẩm quyền quyết định phục viên (tính đến thời điểm phục viên tháng 11/2025 đồng chí Dũng có 11 năm 03 tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, được làm tròn 11,5 năm theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này) và thuộc trường hợp phục viên trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực. Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này thì thời gian hưởng trợ cấp phục viên cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của đồng chí Dũng là 60 tháng. Giả sử tiền lương hiện hưởng trước thời điểm phục viên (tháng 10/2025) của đồng chí Dũng là 15.000.000 đồng; ngoài được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, đồng chí Dũng được hưởng các chế độ sau:

Trợ cấp phục viên một lần cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là: 15.000.000 đồng x 0,8 tháng x 60 tháng = 720.000.000 đồng.

Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là: 15.000.000 đồng x 1,5 tháng x 11,5 năm = 258.750.000 đồng.

Trợ cấp tìm việc làm là: 03 tháng x 15.000.000 đồng = 45.000.000 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp phục viên đồng chí Dũng nhận là: 1.023.750.000 đồng.

Ví dụ 12: Cùng là đồng chí Lê Trung Dũng như nêu tại ví dụ 11. Tháng 11/2026, đồng chí Dũng được cấp có thẩm quyền quyết định phục viên (tính đến thời điểm phục viên tháng 11/2026 đồng chí Dũng có 12 năm 03 tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, được làm tròn 12,5 năm theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này) và thuộc trường hợp phục viên từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực; thời gian hưởng trợ cấp phục viên cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của đồng chí Dũng là 60 tháng; ngoài được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, đồng chí Dũng được hưởng các chế độ sau:

Trợ cấp phục viên một lần cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là: 15.000.000 đồng x 0,4 x 60 tháng = 360.000.000 đồng.

Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là: 15.000.000 đồng x 1,5 tháng x 12,5 năm = 281.250.000 đồng.

Trợ cấp tìm việc làm là: 03 tháng x 15.000.000 đồng = 45.000.000 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp phục viên đồng chí Dũng nhận là: 686.250.000 đồng.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được hưởng trợ cấp phục viên quy định tại Điều 9 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP thì không hưởng chế độ trợ cấp phục viên quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 52/2025/NĐ-CP và Nghị định số 151/2016/NĐ-CP.

Điều 11. Cách tính hưởng chính sách nghỉ thôi việc đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng công tác tại các cơ quan, đơn vị chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy

1. Cán bộ, công chức quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Thông tư này có tuổi đời từ đủ 02 năm trở lên so với hạn tuổi cao nhất theo hướng dẫn tại điểm b khoản 5 Điều 5 Thông tư này, chưa đủ điều kiện nghỉ hưu và không đủ điều kiện hưởng chế độ nghỉ hưu trước tuổi quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, khi được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ thôi việc thì được hưởng chính sách, chế độ quy định tại Điều 9 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; trong đó, chế độ trợ cấp thôi việc cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, chế độ trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và trợ cấp tìm việc làm thực hiện như sau:

a) Trợ cấp thôi việc cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

b) Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

c) Cách tính hưởng trợ cấp tìm việc làm thực hiện theo hướng dẫn tại điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được hưởng trợ cấp thôi việc quy định tại Điều 9 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP thì không hưởng chế độ trợ cấp thôi việc quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Thông tư số 148/2010/TT-BQP ngày 03 tháng 11 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện chế độ thôi việc đối với công chức trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 12. Cách tính hưởng chính sách nghỉ thôi việc đối với công nhân, viên chức, người lao động, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ công tác tại các cơ quan, đơn vị chịu sự tác động trực tiếp của việc sắp xếp tổ chức bộ máy

1. Công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, viên chức, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 2 Thông tư này có tuổi đời từ đủ 02 năm trở lên so với hạn tuổi hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 5 Thông tư này, khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy mà chưa đủ điều kiện nghỉ hưu và không đủ điều kiện hưởng chế độ nghỉ hưu trước tuổi quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, khi

được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ thôi việc thì được hưởng chính sách, chế độ quy định tại Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; trong đó, chế độ trợ cấp thôi việc cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, chế độ trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được hướng dẫn thực hiện, như sau:

a) Trợ cấp thôi việc cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

b) Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

Ví dụ 13: Đồng chí Ngô Thị Thu Trà; sinh tháng 9/1996; được tuyển dụng viên chức quốc phòng tháng 9/2016; công tác tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh D. Tháng 6/2025 đơn vị đồng chí Trà sáp nhập với đơn vị khác. Theo quy định hiện hành, đồng chí Trà chưa đủ điều kiện nghỉ hưu và không đủ điều kiện hưởng chế độ nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư này. Tháng 12/2025, đồng chí Trà được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ thôi việc (tính đến thời điểm nghỉ thôi việc tháng 12/2025 đồng chí Trà có 09 năm 04 tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, được làm tròn 9,5 năm theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này) và thuộc trường hợp nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực. Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này thì thời gian hưởng trợ cấp thôi việc cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của đồng chí Trà là 60 tháng. Giả sử tiền lương hiện hưởng trước thời điểm nghỉ thôi việc (tháng 11/2025) của đồng chí Trà là 12.000.000 đồng; ngoài được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, đồng chí Trà được hưởng các chế độ sau:

Trợ cấp thôi việc cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là: 12.000.000 đồng x 0,8 tháng x 60 tháng = 576.000.000 đồng.

Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là: 12.000.000 đồng x 1,5 tháng x 9,5 năm = 171.000.000 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp thôi việc đồng chí Trà nhận là: 747.000.000 đồng.

Ví dụ 14: Cùng là đồng chí Ngô Thị Thu Trà như nêu tại ví dụ 13. Tháng 12/2026, đồng chí Trà được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ thôi việc (tính đến thời điểm nghỉ thôi việc tháng 12/2026 đồng chí Trà có 10 năm 04 tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, được làm tròn 10,5 năm theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này) và thuộc trường hợp nghỉ thôi việc từ tháng thứ 13 trở đi kể từ ngày Quyết định sáp nhập của cấp có thẩm quyền có hiệu lực; thời gian hưởng trợ cấp nghỉ thôi việc cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của đồng chí Trà là 60 tháng; ngoài được bảo lưu thời

gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, đồng chí Trà được hưởng các chế độ sau:

Trợ cấp thôi việc cho số tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là: 12.000.000 đồng x 0,4 tháng x 60 tháng = 288.000.000 đồng.

Trợ cấp một lần cho số năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là: 12.000.000 đồng x 1,5 tháng x 10,5 năm = 189.000.000 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp thôi việc đồng chí Trà nhận là: 477.000.000 đồng.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được hưởng trợ cấp thôi việc quy định tại Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP thì không hưởng chế độ trợ cấp thôi việc quy định tại Nghị định số 19/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ quy định biện pháp thi hành chế độ, chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng chuyển ngành, công nhân và viên chức quốc phòng thôi việc theo quy định của Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; Nghị định số 32/2013/NĐ-CP; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

Điều 13. Chính sách đối với các trường hợp thôi giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy quản lý hoặc được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy quản lý có phụ cấp chức vụ thấp hơn do sắp xếp tổ chức bộ máy

Các đối tượng quy định tại Thông tư này khi thôi giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy quản lý hoặc được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy quản lý có phụ cấp chức vụ thấp hơn do sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP.

Điều 14. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ sau sắp xếp

Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ sau sắp xếp đối với các đối tượng quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

Điều 15. Kinh phí bảo đảm

Kinh phí bảo đảm thực hiện các chính sách, chế độ đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14, khoản 15 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Tổng cục Chính trị chỉ đạo

a) Cục Chính sách - Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này; phối hợp giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

b) Cục Cán bộ

Chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan, đơn vị: Căn cứ kết quả hoàn thành nhiệm vụ của các đối tượng thuộc phạm vi quản lý, rà soát tổng thể chất lượng các đối tượng; xét duyệt, thẩm định, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các trường hợp nghỉ hưu trước hạn tuổi, phục viên, nghỉ thôi việc theo quy trình, quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này bảo đảm chặt chẽ, kịp thời.

Chủ trì tổng hợp, thẩm định, báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Chính trị trình Thường vụ Quân ủy Trung ương, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đối tượng được hưởng chế độ nghỉ hưu trước hạn tuổi, nghỉ thôi việc, phục viên và thông báo để các cơ quan, đơn vị thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; kịp thời giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Bộ Tổng Tham mưu chỉ đạo Cục Quân lực

a) Chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan, đơn vị: Căn cứ kết quả hoàn thành nhiệm vụ của các đối tượng thuộc phạm vi quản lý, rà soát tổng thể chất lượng các đối tượng; xét duyệt, thẩm định, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các trường hợp nghỉ hưu trước hạn tuổi, phục viên, nghỉ thôi việc theo quy trình, quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này bảo đảm chặt chẽ, kịp thời.

b) Chủ trì tổng hợp, thẩm định báo cáo Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu trình Thủ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định đối tượng được hưởng chế độ nghỉ hưu trước tuổi, phục viên, nghỉ thôi việc và thông báo để các cơ quan, đơn vị thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; kịp thời giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí bảo đảm thực hiện chính sách, chế độ đối với các đối tượng; quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định;

b) Phối hợp với cơ quan quản lý nhân sự; đồng thời, chỉ đạo ngành nghiệp vụ phối hợp với cơ quan quản lý nhân sự theo phân cấp thẩm định danh sách đối tượng, kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo quy định;

c) Tổng hợp dự toán kinh phí của các đơn vị, báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng đề nghị Nhà nước bảo đảm kinh phí để triển khai thực hiện;

d) Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách và giải quyết những vướng mắc, phát sinh.

4. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (bao gồm cả Ban Cơ yếu Chính phủ)

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và Thông tư này đến các đối tượng thuộc quyền;

b) Cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên, người chủ trì cơ quan, đơn vị các cấp chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về các trường hợp được giải quyết; không để xảy ra tiêu cực, trục lợi chính sách hoặc giải quyết trái quy định.

c) Trên cơ sở hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về đánh giá chất lượng và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 2 Thông tư này; cấp ủy, chỉ huy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chỉ đạo cơ quan quản lý nhân sự (cán bộ, quân lực, tổ chức cán bộ, lao động tiền lương...) tiến hành rà soát tổng thể chất lượng đội ngũ thuộc quyền; tiến hành gặp gỡ, nắm chắc nguyện vọng của đối tượng; xem xét, xác định các trường hợp phải nghỉ hưu trước tuổi hoặc phục viên hoặc thôi việc (bao gồm đối tượng chịu sự tác động trực tiếp hoặc không chịu sự tác động trực tiếp của việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy) và các trường hợp trong các cơ quan, đơn vị còn đủ điều kiện tiếp tục công tác nhưng có đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi hoặc phục viên hoặc thôi việc để tạo điều kiện trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy. Tổ chức xét duyệt, thẩm định, lập danh sách theo nhóm đối tượng và dự toán số tiền thực hiện đối với từng trường hợp, báo cáo theo phân cấp (từ cấp cơ sở đến Bộ Quốc phòng); giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi hoặc phục viên hoặc thôi việc bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định. Quá trình xét duyệt, thẩm định, giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng phải bảo đảm nâng cao chất lượng đội ngũ, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

d) Hằng năm, các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí bảo đảm gửi Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng (kèm theo danh sách của cơ quan nhân sự) theo quy định; tổ chức giải quyết chế độ, chính sách cho đối tượng bảo đảm chặt chẽ, công khai, chính xác, minh bạch, kịp thời và thanh, quyết toán theo đúng quy định; hạch toán vào Mục 8000, Tiểu mục 8049, Tiết mục (tương ứng với từng đối tượng), Ngành 00;

đ) Thường xuyên kiểm tra, báo cáo; chủ động xử lý, giải quyết vướng mắc phát sinh từ cơ sở theo thẩm quyền; các vấn đề vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Bộ Quốc phòng để xem xét, giải quyết.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 4 năm 2025.

2. Các chế độ, chính sách hướng dẫn tại Điều 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và Điều 14 Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025; chế độ, chính sách hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư này được thực hiện từ ngày 15 tháng 3 năm 2025.

3. Các trường hợp thuộc các cơ quan, đơn vị thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy đã giải quyết hưởng chế độ trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP; Nghị định số 151/2016/NĐ-CP và Nghị định số 32/2013/NĐ-CP trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 thì không được thực hiện chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

4. Các trường hợp do sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc thay đổi tổ chức hoặc thay đổi biểu tổ chức, biên chế; đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 21/2009/NĐ-CP; Nghị định số 151/2016/NĐ-CP và Nghị định số 32/2013/NĐ-CP, đã được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước tuổi trước ngày 01 tháng 01 năm 2025, hiện đang nghỉ chuẩn bị hưu nhưng đến ngày 01 tháng 01 năm 2025 cấp có thẩm quyền chưa ban hành quyết định giải quyết chính sách, chế độ thì được áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

Riêng đối tượng là sĩ quan thuộc trường hợp nêu trên; hạn tuổi cao nhất làm cơ sở tính hưởng chế độ trợ cấp một lần được thực hiện như sau:

a) Nếu được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 12 năm 2024 (hiện đang nghỉ chuẩn bị hưu) thì hạn tuổi cao nhất thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 19/2008/QH12;

b) Nếu được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 trở đi (hiện đang nghỉ chuẩn bị hưu) thì hạn tuổi cao nhất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 52/2024/QH15.

5. Các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi thuộc đối tượng áp dụng thực hiện chính sách, chế độ quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này mà không nghỉ chuẩn bị hưu, hưởng lương hưu hằng tháng ngay hoặc nghỉ chuẩn bị hưu không hết thời gian theo quy định thì không được hưởng khoản tiền chênh lệch giữa tiền lương của tháng cuối cùng trước khi hưởng lương hưu với tiền lương hưu tháng đầu tiên đối với số tháng không nghỉ chuẩn bị hưu.

6. Một đối tượng đồng thời đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách, chế độ quy định tại các văn bản khác nhau, việc tính hưởng chính sách, chế độ thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

7. Đối tượng không đủ điều kiện tái cử, tái bổ nhiệm hoặc đủ điều kiện tái cử tái bổ nhiệm theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này; đồng thời, thuộc đối tượng áp dụng chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy thì được lựa chọn hưởng chính sách, chế độ cao hơn.

8. Đối tượng không đủ điều kiện tái cử, tái bổ nhiệm hoặc đủ điều kiện tái cử tái bổ nhiệm đã được cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách, chế độ theo

Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng, nếu chính sách, chế độ thấp hơn so với chính sách, chế độ quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP thì được áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và ngược lại.

9. Các văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì nội dung dẫn chiếu được thực hiện theo các văn bản mới.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu; Cục Cán bộ, Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị) để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phan Văn Giang